

**ĐỀ ÁN**

**Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo,  
tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững  
giai đoạn 2016-2025**

**Phần I**

**CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Nghị quyết 29/NQ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) của tỉnh Hà Nam;

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Hệ thống ngành công nghiệp chế biến, chế tạo Ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến 2020;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX;

Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghiệp - Thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án đổi mới định hướng đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030;

Văn bản số 5938/VPCP-KTTH ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về việc chính sách ưu đãi đối với khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III.

Một số văn bản khác của Chính phủ, của tỉnh có liên quan,

**II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Từ kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trên thế giới và khu vực đã khẳng định: Công nghiệp hỗ trợ có vai trò hết sức quan trọng, quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, tạo cơ sở cho việc tái cơ cấu nền

công nghiệp theo hướng bền vững; Công nghiệp hỗ trợ tăng tính chủ động cho nền kinh tế; thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng khả năng thu hút đầu tư nước ngoài; Công nghiệp hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển mạnh sẽ tạo ra giá trị lớn, đồng thời tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu phát triển.

- Công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến chế tạo tạo ra giá trị gia tăng cao, tiết kiệm đất, thuận lợi trong kiểm soát, xử lý không để ảnh hưởng đến môi trường.

- Kết quả của hoạt động thu hút đầu tư trong tỉnh thời gian qua đã tạo được những nền tảng ban đầu để phát triển mạnh công nghiệp, thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tuy nhiên tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến chế tạo còn thấp.

- Các chủ trương, chính sách của nhà nước với mục tiêu, yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng với việc tham gia các hiệp định thương mại mới như TPP, EU, Liên minh thuế quan ... và đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã xác định: “Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững, giai đoạn 2016-2025”.

## **Phần II**

### **THỰC TRẠNG, TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÀ NAM ĐẾN NĂM 2015**

#### **I. GIAI ĐOẠN 2006-2010**

##### **1. Kết quả đạt được**

Tỉnh Hà Nam đã tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP. Vốn đầu tư vào ngành công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đạt 14.028,6 tỷ đồng chiếm 45,4% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội (vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2006-2010 đạt 30.900 tỷ đồng, bình quân đạt 6.180 tỷ/năm, tăng 39,5%/năm); tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá CĐ94) bình quân đạt 23,4% (giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 đạt 2.842,7 tỷ đồng, đến năm 2010 đạt 8.138,9 tỷ đồng).

Giai đoạn này tỉnh đã thu hút được một số dự án đầu tư vào khu, cụm công nghiệp (trong đó có một số dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI); đến năm 2010, đã thu hút được một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo như Công ty TNHH Honda Lock, Công ty Sumi, Công ty sữa Cô gái Hà Lan,...

##### **2. Một số tồn tại, hạn chế**

Tuy sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh song hiệu quả sản xuất và tính chủ động chưa cao, dễ bị tác động của những yếu tố bên ngoài. Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI có quy mô lớn của các nước công

nghiệp phát triển, một số dự án FDI đã thu hút được nhưng chủ yếu mới ở giai đoạn đầu tư xây dựng, chạy thử hoặc sản xuất ở công suất thấp nên sự đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh chưa cao.

Đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn này chủ yếu là ngành xi măng và một số ngành nghề mang tính truyền thống, công nghệ thấp (như may mặc, hàng tiêu thủ công nghiệp, bột nhẹ....). Ngoài sản phẩm xi măng, chưa có những sản phẩm chủ lực nào của Hà Nam có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

## II. GIAI ĐOẠN 2011-2015

Thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2015, sau khi tổng kết đánh giá kết quả như sau:

### 1. Kết quả đạt được

#### a) Về đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp

Chuẩn bị tốt mặt bằng cho các dự án sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Hoàn thành giải phóng mặt bằng KCN Hòa Mạc, KCN Đồng Văn II mở rộng, giai đoạn I KCN hỗ trợ Đồng Văn III, Cụm công nghiệp Thi Sơn, Nhà máy xi măng Xuân Thành; cơ bản hoàn thành giải phóng KCN Đồng Văn I mở rộng, Cụm công nghiệp Kiện Khê....; Rà soát, đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..., đảm bảo cho các nhà đầu tư triển khai dự án thuận lợi; Hoàn thành hạ tầng các KCN đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cơ bản hoàn thành hạ tầng các KCN đầu tư bằng vốn của doanh nghiệp; Lập quy hoạch định hướng Khu công nghiệp và dịch vụ Tây Đáy- huyện Thanh Liêm và quản lý theo quy hoạch. Hết năm 2015, lấp đầy 80% diện tích các KCN đã được đầu tư hạ tầng.

#### b) Về cải thiện môi trường đầu tư

Thực hiện nghiêm Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), 10 cam kết của tỉnh đối với các nhà đầu tư<sup>1</sup>; có cơ chế, chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, nộp ngân sách lớn; tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc (*về mặt bằng, thủ tục hành chính, lao động...*); tăng cường công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch, cơ chế chính sách; chấn chỉnh, nâng cao chất lượng và trách nhiệm cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội..., tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh. Môi trường đầu tư của tỉnh được cải thiện rõ nét, nhận được sự quan tâm cao của các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư Nhật Bản, Hàn Quốc.

---

<sup>1</sup> 1) Cung cấp đủ điện 24/24 giờ cho các DN trong KCN; 2) Đảm bảo hệ thống cấp nước sạch và xử lý nước thải cho các DN; 3) Đủ đất làm nhà ở cho công nhân; 4) Thủ tục Hải quan thuận lợi; 5) Giảm tối đa thời gian giải quyết TTHC cho các nhà đầu tư; 6) Đáp ứng đủ lao động có chất lượng phù hợp cho các nhà đầu tư; 7) Đảm bảo thủ tục và đáp ứng cho việc chuyển đổi phương án SX và nhà đầu tư phụ trợ đi cùng; 8) Không có đình công và bãi công; 9) Đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài KCN; 10) Thành lập đường dây nóng của Chủ tịch UBND tỉnh và giải quyết tức thì các thông tin từ các nhà đầu tư.

*c) Về củng cố phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho phát triển công nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực*

Quan tâm đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, cung cấp dịch vụ thiết yếu phục vụ hoạt động của doanh nghiệp. Ngành điện đã tập trung nguồn vốn cải tạo, nâng cấp, bổ sung các trạm biến áp; chủ động tích cực trong việc lập dự án, kịp thời xây dựng các đường dây và trạm biến áp 35kV, 110 kV cấp điện đến chân hàng rào cho các doanh nghiệp. Thực hiện tốt phương án cung cấp điện đã được UBND tỉnh phê duyệt, sản lượng điện thương phẩm năm 2014 đạt 1.082,8 triệu kWh, tăng 1,7 lần so với năm 2011 (652,6 triệu kWh). Dịch vụ cấp nước sạch, bưu chính viễn thông có mức tăng trưởng khá, từng bước nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và thông tin liên lạc của doanh nghiệp. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được quan tâm đầu tư, năm 2015: 4 KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đạt 100%. Nhiều công trình giao thông quan trọng hoàn thành (cải tạo QL1A, QL38, Cao tốc Cầu giẽ - Ninh Bình) hoặc triển khai thực hiện (đường nối 2 cao tốc, cầu Thái Hà...), tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chú trọng đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các dự án phát triển công nghiệp của tỉnh. Giai đoạn 2011-2015 các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup> đã tuyển sinh và đào tạo được khoảng 86.000 lao động, góp phần nâng cao tay nghề cho lao động phục vụ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh của địa phương. Tăng cường đào tạo theo địa chỉ, gắn việc đào tạo của các trường với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp. Thực hiện đề án đào tạo 1.000 lao động ngành công nghiệp hỗ trợ cho doanh nghiệp Nhật Bản. Triển khai hợp tác đào tạo lao động cho doanh nghiệp Hàn Quốc. Bên cạnh đó, tỉnh đã đẩy mạnh công tác thu hút các trường đại học, cao đẳng có uy tín về liên doanh, liên kết đầu tư tại tỉnh; điều chỉnh, nâng mức hỗ trợ đào tạo lao động địa phương; thực hiện đề án đào tạo bồi dưỡng chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh; chủ động, tích cực phối hợp tuyển dụng lao động cho doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp, thu hút nhà đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở các tuyến xe đưa đón công nhân KCN Đồng Văn.

*d) Về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp*

Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các văn bản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp<sup>3</sup>. Thẩm định chặt chẽ các tiêu chí về công nghệ, môi trường, hiệu quả sử dụng đất, năng lực tài chính... khi xem xét dự án đầu tư. Yêu cầu doanh nghiệp ký cam kết, đặt cọc để đảm bảo tiến độ đầu tư khi được chấp thuận thực hiện dự án. Chi đạo thường

<sup>2</sup>22 cơ sở, bao gồm 17 cơ sở dạy nghề của tỉnh, 05 cơ sở dạy nghề của Trung ương

<sup>3</sup> Quyết định về quản lý doanh nghiệp sau cấp giấy chứng nhận đầu tư; Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp trong khu công nghiệp; Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND v/v ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 11/11/2014 về việc tăng cường công tác quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

xuyên rà soát tiến độ đầu tư, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; kiên quyết thu hồi đất, truy thu ưu đãi, chấm dứt chủ trương đầu tư đối với doanh nghiệp vi phạm Luật Đầu tư, Luật Đất đai, tước, thu hồi giấy phép khai thác đối với doanh nghiệp vi phạm Luật Khoáng sản. Ban Quản lý các khu công nghiệp hàng tuần báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong KCN, Cục Thuế thường xuyên tổng hợp báo cáo việc chấp hành pháp luật về thuế của các doanh nghiệp để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

*e) Về thu hút đầu tư*

Đổi mới và đẩy mạnh thu hút đầu tư, tập trung xúc tiến đầu tư song phương, chủ động thu hút doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc, doanh nghiệp lớn trong nước tạo động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững. Giai đoạn 2011-2015 đã thu hút được 245 dự án đầu tư (127 dự án trong nước và 118 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 27.252 tỷ đồng và 1,071 triệu USD. Lũy kế đến 31/12/2015 trên địa bàn tỉnh có 535 dự án đầu tư còn hiệu lực (155 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký 48.112,4 tỷ đồng và 1.378,8 triệu USD, vốn thực hiện đạt khoảng 70% vốn đăng ký.

Cơ cấu vốn đầu tư vào ngành công nghiệp giai đoạn 2011-2015 chiếm 51,22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 đạt 70.575 tỷ đồng, bình quân đạt 14.108 tỷ đồng/năm, cao gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2006-2010, bình quân tăng 14,2%/năm).

*g) Về hoạt động sản xuất kinh doanh*

Ngành công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng cao<sup>4</sup>; giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS1994) 5 năm đạt trên 75.927 tỷ đồng, năm 2015 gấp 2,62 lần so với năm 2010, bình quân tăng 21,3%/năm, đây là cố gắng rất lớn so với mức tăng trưởng chung của cả nước. Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GDP của tỉnh tăng từ 41,5% năm 2010 lên 50,99% năm 2015. Nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và dần chiếm lĩnh thị trường.

Sản xuất trong các KCN khẳng định được hiệu quả, đạt mức tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của ngành<sup>5</sup>. Đến năm 2015, giá trị SXCN trong các KCN chiếm khoảng 70,4% giá trị SXCN toàn ngành; kim ngạch xuất khẩu đạt 800 triệu USD, chiếm tỷ trọng 76,5% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, đạt chỉ tiêu Nghị quyết (trên 75%); thu ngân sách đạt 1.300 tỷ, chiếm 35,24% tổng thu ngân sách của tỉnh, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết (40%). Giai đoạn 2011-2015 các doanh nghiệp trong các KCN giải quyết việc làm mới cho 18.796 lao động, gấp 1,25 chỉ tiêu Nghị quyết (15.000 lao động). Các sản phẩm chủ yếu trong các KCN như: Thiết bị điện, điện tử, bộ dây điện ô tô, thức ăn chăn nuôi, hạt nhựa, găng tay, sữa, quần áo may sẵn... đều giữ được mức tăng trưởng cao.

**\* Đánh giá lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo**

<sup>4</sup> Giá trị SXCN năm 2011 đạt 10.085,7 tỷ đồng, tăng 24,1% so với năm 2010; năm 2012 đạt 12.357 tỷ đồng, tăng 22,5% so với năm 2011; năm 2013 đạt 14.627,8 tỷ đồng, tăng 18,4% so với năm 2012; năm 2014 đạt 17.355 tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2013; năm 2015 đạt 21.353,9 tỷ đồng, tăng 23,6% so với năm 2014.

<sup>5</sup> Tốc độ tăng trưởng trong KCN đạt bình quân giai đoạn là 28,1%/năm, của toàn ngành là 21,3%/năm.

+ Công nghiệp hỗ trợ: đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thu hút được trên 40 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đi vào hoạt động (chủ yếu ở khu vực FDI) với những sản phẩm chủ yếu là thiết bị điện, điện tử, hệ thống dây dẫn điện trong ô tô, màn hình cảm ứng,... với công nghệ dây chuyền hiện đại; giá trị sản xuất năm 2015 đạt khoảng 6.608 tỷ đồng (theo giá SS2010) chiếm 15,7% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (42.093 tỷ đồng).

+ Công nghiệp chế biến: đã thu hút được một số dự án trong lĩnh vực chế biến thực phẩm như: sữa (năm 2015 đạt 81,1 triệu lít/năm), bia (năm 2015 đạt 55,53 triệu lít/năm), dược phẩm, nước giải khát, chế biến nông sản... với dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại. Giá trị sản xuất năm 2015 đạt khoảng 5.725 tỷ đồng, chiếm 13,6% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

Bên cạnh đó, lĩnh vực chế biến thức ăn chăn nuôi đã thu hút được nhiều dự án đầu tư lớn và hiện đại (tổng công suất thiết kế đạt 2 triệu tấn/năm). Năm 2015 đã sản xuất được 606,55 nghìn tấn thức ăn chăn nuôi,... đóng góp 4.852 tỷ đồng vào giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Công nghiệp chế tạo: ngoài nhà máy lắp ráp của Công ty Honda, đã thu hút được một số dự án chế tạo các sản phẩm cơ khí như cầu kiện kim loại, nồi hơi, đồ gia dụng.... Giá trị sản xuất lĩnh vực chế tạo chiếm tỷ trọng chưa đáng kể trong ngành công nghiệp (mới chủ yếu là lắp ráp), năm 2015 đạt khoảng 5.425 tỷ đồng, chiếm 12,9% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

## **2. Tồn tại hạn chế**

- Giá trị sản xuất công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 21,3%/năm) song chưa đạt được mục tiêu Nghị quyết 04-NQ/TU đã đề ra (22,1%/năm)<sup>6</sup>.

- Tỷ trọng công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp công nghệ cao còn thấp. Chưa có nhiều doanh nghiệp trong nước đầu tư sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Công nghiệp chế tạo tuy đã hình thành, nhưng nhìn chung vẫn chủ yếu là lắp ráp (*đóng góp chủ yếu là sản phẩm lắp ráp xe máy*), tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm còn thấp, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao chưa phát triển.

- Việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa hợp lý và tiết kiệm. Năng lực cạnh tranh, khả năng hội nhập quốc tế của nhiều doanh nghiệp chưa cao; hiệu quả hoạt động của nhiều cụm công nghiệp còn thấp; xuất hiện nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số dự án; nhiều dự án tiến độ chậm, tỷ lệ giải ngân thấp; chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.

## **3. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế**

- Trong thời gian dài, công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp ở địa phương còn buông lỏng; các dự án sau khi được giao đất còn thiếu sự kiểm tra, giám sát; chưa kiên quyết xử lý các vi phạm của nhà đầu tư.

<sup>6</sup> Tỷ trọng cơ cấu ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP của tỉnh phát triển đúng hướng (năm 2015 chiếm 58,3%) vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra (58%).

- Hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp (đặc biệt trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp) tuy đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư; dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp (điện, nước, viễn thông, nhà ở công nhân, chuyên gia, logictis..) chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là việc thu hút đầu tư nhà ở cho công nhân còn gặp nhiều khó khăn; Công tác đào tạo nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp còn hạn chế, đặc biệt là thiếu nhân công kỹ thuật có tay nghề kỹ thuật cao, một bộ phận lao động chưa có tác phong công nghiệp, năng suất lao động thấp...

- Thị trường nguyên nhiên vật liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra đôi khi còn gặp khó khăn, công tác tư vấn hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu quy mô là vừa và nhỏ, năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp còn hạn chế; thiếu các doanh nghiệp chủ đạo giữ vai trò “đầu tàu” trong các làng nghề. Một số doanh nghiệp không có chiến lược phát triển rõ ràng, chưa xây dựng được thương hiệu của mình trên thị trường trong và ngoài nước nên sức cạnh tranh chưa cao.

- Chưa tạo được mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài trong công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo dẫn đến khó khăn trong thu hút đầu tư, tiêu thụ sản phẩm. Việc chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp FDI cho các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, khó khăn.

### **Phần III**

#### **QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ, CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO, TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỚI TỐC ĐỘ CAO VÀ BỀN VỮNG, GIAI ĐOẠN 2016-2025**

Hà Nam có tiềm năng và lợi thế để tạo lập môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo trong thời gian tới. Với vị trí địa lý rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và giao thương với các vùng trọng điểm kinh tế của Việt Nam. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định, thủ tục hành chính luôn được cải thiện nhằm tạo thuận lợi và nhanh chóng cho các nhà đầu tư. Trong những năm qua, đã thu hút được một số dự án lớn như: Công ty Honda, Number One, Nutifood, thiết bị điện, điện tử KMW..., từ đó có hiệu ứng lan tỏa tích cực, thu hút các dự án đầu tư hỗ trợ, chế biến, chế tạo khác.

Hà Nam đã quy hoạch 8 KCN tập trung, trong đó đã và đang đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ 05 KCN, luôn sẵn sàng quỹ đất giao cho các nhà đầu tư. Hệ thống các dịch vụ: Bưu chính viễn thông, mạng lưới điện, hệ thống các tổ chức ngân hàng, tài chính tín dụng ngày càng phát triển và thuận tiện. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi nội tại, còn có những cơ hội và thuận lợi từ bên ngoài đem lại cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

Tuy nhiên, xu hướng dòng vốn đầu tư chất lượng cao hướng tới lựa chọn những địa điểm có nhiều lợi thế cạnh tranh động (chính sách ưu đãi, nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ sẵn có,...) thay vì chỉ dựa vào lợi thế so sánh như trước đây (vị trí địa lý, nguồn nhân công giá rẻ,...). Vì vậy, lợi thế so sánh của Hà Nam trong thời gian tới sẽ bị tác động.

Bên cạnh đó, quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới mở ra những thuận lợi mới thu hút đầu tư nước ngoài, nhưng đồng thời cũng tạo sức ép cạnh tranh quyết liệt. Nằm gần các trung tâm kinh tế lớn phát triển năng động và mạnh mẽ là thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và tỉnh Bắc Ninh, đó là một lợi thế cũng là một thách thức lớn đối với tỉnh Hà Nam về cạnh tranh kêu gọi vốn đầu tư, tìm kiếm thị trường.

Trước những thuận lợi, thách thức đan xen cần xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp phù hợp để đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững trong thời gian tới.

## **I. QUAN ĐIỂM**

- Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, thân thiện môi trường.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thu hút các dự án có tỷ suất đầu tư đạt tối thiểu 2,5 triệu USD/ha giai đoạn 2016-2020 và 3 triệu USD/ha sau năm 2020.

- Thu hút đầu tư có chọn lọc, không thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động, hiệu quả thấp như may mặc, giày da... Ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa có công nghệ tiên tiến để tạo sức hấp dẫn thu hút các doanh nghiệp lớn.

- Không phát triển thêm các cụm công nghiệp. Tập trung củng cố và nâng cao hiệu quả các cụm công nghiệp hiện có.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG**

- Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo trong các khu công nghiệp; chú trọng những sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp sạch, giá trị gia tăng cao, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu thế phát triển mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Ưu tiên nguồn lực, ưu đãi về chính sách cho một số ngành, sản phẩm đại diện cho công nghiệp của tỉnh trong tương lai như: điện, điện tử, cơ khí chế tạo, lắp ráp, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng, hàng tiêu dùng cao cấp...

- Đẩy mạnh thu hút và phát triển công nghiệp chế biến: bia, sữa, nước giải khát, thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh, chế biến nông sản. Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao trong hoạt động chế biến các sản phẩm nông nghiệp, tạo chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ để phát triển ổn định, bền vững.



- Đối với các doanh nghiệp đã có, cần tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ để tăng năng suất, hạ giá thành tăng sức cạnh tranh của sản phẩm gắn với bảo vệ môi trường.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Phân đầu giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS2010) tăng bình quân trên 15,1%/năm; đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 81.000 tỷ đồng, tỷ trọng ngành công nghiệp đạt 53,4% trong cơ cấu kinh tế. Giai đoạn 2021-2025, giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS2010) tăng bình quân trên 16%/năm; đến năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 170.000 tỷ đồng, tỷ trọng ngành công nghiệp đạt 55% trong cơ cấu kinh tế;

- Công nghiệp hỗ trợ: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS2010), đến năm 2020 đạt trên 20.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 25% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; phân đầu đến năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 51.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 30% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp;

- Công nghiệp chế biến: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS2010), đến năm 2020 đạt trên 14.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 17,3% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; phân đầu đến năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 34.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 20% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp;

- Công nghiệp chế tạo, lắp ráp: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS2010), đến năm 2020 đạt trên 15.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 18,5% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; phân đầu đến năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 40.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 23,5% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### *a) Giai đoạn 2016-2020*

- Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Tập trung thu hút các sản phẩm thuộc các ngành điện, điện tử, cơ khí lắp ráp và một số sản phẩm công nghiệp công nghệ cao.

- Lĩnh vực công nghiệp chế biến: Tiếp tục duy trì các dự án hiện có, tạo điều kiện mở rộng, tăng công suất các nhà máy bia, sữa, nước giải khát; tích cực thu hút các dự án chế biến nông sản, dược phẩm.

- Lĩnh vực công nghiệp chế tạo: Tập trung thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô, máy nông nghiệp, máy động lực, máy móc thiết bị y tế...

- Giá trị sản xuất trong các KCN đến năm 2020 chiếm 74% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 17,4%, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp của tỉnh đạt trên 15,1% giai đoạn 2016-2020.

##### *b) Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục thu hút mở rộng sản xuất, tăng công suất các dự án hiện có và phát triển các dự án đầu tư ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo; đặc biệt là ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Giá trị sản xuất trong các KCN đến năm 2025 chiếm 80% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là trên 18%, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp của tỉnh đạt trên 16% giai đoạn 2021-2025.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Tăng cường hiệu quả hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư.**

- Đa dạng hoá các hình thức quảng bá, xúc tiến đầu tư. Xây dựng và cập nhật thường xuyên tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư; tham gia các hoạt động xúc tiến, vận động đầu tư trong và ngoài nước. Chủ động phối hợp hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh với các hoạt động ngoại giao, xúc tiến thương mại và du lịch; tranh thủ sự phối hợp, giúp đỡ của các tổ chức kinh tế-thương mại, ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam, nhất là các tổ chức của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu, các nhà đầu tư đã thành công tại Hà Nam để giới thiệu về môi trường đầu tư tại Hà Nam.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương, các địa phương trọng điểm phát triển kinh tế như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tập đoàn lớn trong nước để xúc tiến, thu hút đầu tư.

- Tiếp tục nhất quán thực hiện nghiêm 10 cam kết của tỉnh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước trên tinh thần đổi mới, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu, đặc biệt là việc cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hạ tầng, đảm bảo môi trường đầu tư bền vững.

- Nâng cao hiệu quả của hệ thống thương mại điện tử, thông tin điện tử của tỉnh phục vụ mục tiêu thu hút đầu tư.

##### **2. Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, tập trung xây dựng đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp và hạ tầng kết nối liên vùng**

- Tập trung rà soát, xây dựng Đề án điều chỉnh bổ sung quy hoạch các Khu công nghiệp của tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, trình Chính phủ phê duyệt theo hướng giữ nguyên 08 KCN với tổng diện tích quy hoạch 2.538ha và điều chỉnh vị trí, diện tích để thuận tiện trong kết nối giao thông, cụ thể: Mở rộng KCN Châu Sơn, KCN Hòa Mạc, KCN Đồng Văn I, KCN hỗ trợ Đồng Văn III về phía Đông đường cao tốc; Giai đoạn 2021-2025 mở rộng thêm khoảng 1.434 ha, nâng tổng diện tích quy hoạch KCN lên khoảng 3.972 ha. Đổi tên và chuyển vị trí một số KCN như: Đổi tên từ KCN Ascendas-protrade cũ thành KCN Đồng Văn IV; Đổi tên và chuyển vị trí từ KCN Liêm Phong về gần vị trí cụm Công nghiệp Kiên Khê thành KCN Thanh Liêm; Đổi tên và chuyển vị trí từ KCN Liêm Cần - Thanh Bình thành KCN Thái Hà về xã Chân Lý huyện Lý Nhân nằm tại vị trí phía Đông Nam nút giao lên cầu Thái Hà và Cầu Hưng Hà.

- Đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch. Tăng cường huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp; chuẩn bị các điều kiện về mặt bằng sạch, đặc biệt là chú trọng thực hiện tốt công tác giải phóng

mặt bằng; đảm bảo cân đối việc xây dựng kết cấu hạ tầng bên trong và ngoài hàng rào của khu, cụm công nghiệp, trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng KCN hỗ trợ Đông Văn III, khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài đầu tư hạ tầng khu công nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp thứ cấp và doanh nghiệp nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc,...) sản xuất lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ về đầu tư.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối các KCN với mạng lưới giao thông quốc gia, kết nối với sân bay, cảng biển.

- Xây dựng đề án củng cố phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá kể cả đường bộ, đường sắt, đường thủy phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh.

### **3. Củng cố và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ hoạt động của các khu công nghiệp**

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế hiệu quả, tích cực thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp, Nhà đầu tư triển khai dự án xây dựng nhà ở cho công nhân, dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị cao cấp dành cho chuyên gia nước ngoài và người có thu nhập cao; quan tâm phát triển đồng bộ các dịch vụ liên quan như: y tế, giáo dục,...

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án lớn của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu các dịch vụ có chất lượng cao: Bệnh viện, Sân golf, Khách sạn cao cấp, Trung tâm thương mại... cho các nhà đầu tư, chuyên gia nước ngoài.

- Khuyến khích và có cơ chế phù hợp kêu gọi đầu tư cảng ICD để hình thành dịch vụ logistics từ doanh nghiệp - cảng ICD - cửa khẩu.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay để sản xuất kinh doanh.

### **4. Chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng cả về số lượng và chất lượng**

Tiếp tục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp theo Kế hoạch số 1624/KH-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh uỷ về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Nam đến năm 2020, Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hà Nam đến năm 2020”, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt công tác đào tạo phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết về công nghiệp hóa nông nghiệp..., trong đó tập trung thực hiện các giải pháp để huy động nguồn nhân lực tại chỗ và thu hút từ các địa phương khác, việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp; hỗ trợ nhà ở, đi lại và điều kiện sống, làm việc cho người lao động, đào tạo lao động cho các doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc,...

### **5. Tiếp tục rà soát, bổ sung và vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn**

- Rà soát nghiên cứu các cơ chế chính sách của Chính phủ, cụ thể hóa thành các cơ chế chính sách của tỉnh để phát huy các tiềm năng lợi thế, tạo môi

trường đầu tư hấp dẫn, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp sản xuất đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng (Cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào KCN hỗ trợ Đồng Văn III, các cơ chế, chính sách hỗ trợ về tuyển dụng lao động...)

- Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới định hướng đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 (Ban hành theo Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh)

- Xây dựng Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp giai đoạn 2016-2020.

#### **6. Tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, tăng cường các giải pháp hỗ trợ phát triển thị trường cho doanh nghiệp**

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp và hoạt động doanh nghiệp. Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động, duy trì các kênh đối thoại với các nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm của nhà đầu tư.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ kể cả nội địa và xuất khẩu. Phát triển mạnh hệ thống tiếp thị, xúc tiến thương mại. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong hoạt động phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất hỗ trợ để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, thương mại điện tử. Hỗ trợ cho việc thành lập và hoạt động một số trang Web chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo.

#### **7. Tăng cường quản lý bảo vệ môi trường, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả**

Tăng cường rà soát xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật đối với các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, về sử dụng đất kém hiệu quả, đặc biệt các dự án tại các cụm công nghiệp theo Kết luận số 42-KL/TU ngày 17/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

### **V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

Trên cơ sở tính toán nguồn vốn đầu tư cho phát triển ngành công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 lần lượt là 95.000 tỷ đồng và 160.000 tỷ đồng. Ta thấy, vốn thực hiện Đề án Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững giai đoạn 2016-2025 bao gồm: Vốn đầu tư vào KCN và 50% vốn đầu tư vào công nghiệp chế biến (ngoài KCN), cụ thể:

- Vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020: 79.196 tỷ đồng, Huy động từ các nguồn vốn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong đó:

+ Vốn DN FDI: 55.488 tỷ đồng (tương đương 2,4 tỷ USD)

(Vốn đầu tư hạ tầng 2.954 tỷ đồng, vốn đầu tư sản xuất kinh doanh khoảng 52.534 tỷ đồng)

+ Vốn DN trong nước: 23.708 tỷ đồng.

*(Vốn đầu tư hạ tầng 6.892 tỷ đồng, vốn đầu tư sản xuất kinh doanh khoảng 16.816 tỷ đồng)*

- Vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 khoảng 138.522 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn DN FDI: 104.216 tỷ đồng (tương đương 4,5 tỷ USD)

*(Vốn đầu tư hạ tầng 12.087 tỷ đồng, vốn đầu tư sản xuất kinh doanh khoảng 92.129 tỷ đồng)*

+ Vốn DN trong nước: 34.306 tỷ đồng.

*(Vốn đầu tư hạ tầng khoảng 5.180 tỷ đồng, vốn đầu tư sản xuất kinh doanh khoảng 29.126 tỷ đồng)*

## **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I. Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo các Sở, ngành liên quan xây dựng, thực hiện các Đề án thành phần.

II. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp thực hiện Đề án, thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện của các Sở, ngành, các địa phương, định kỳ sáu tháng, một năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

III. UBND các huyện, thành phố: Có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai hiệu quả các Đề án.

IV. Mặt trận tổ quốc, đoàn thể chính trị xã hội các cấp, các cơ quan thông tin, truyền thông phối hợp thường xuyên tuyên truyền việc triển khai, thực hiện Đề án.

## **Phần V**

### **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

I. Đề nghị Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, tạo nền tảng phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững giai đoạn 2016-2025.

II. Giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo xây dựng, thực hiện các Đề án thành phần, cụ thể:

#### **1. Các Đề án đang thực hiện và tiếp tục thực hiện**

- Kế hoạch số 1624/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Nam đến năm 2020; Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hà Nam đến năm 2020” (Ban hành kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND tỉnh).

- Đề án đổi mới định hướng đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030 (Ban hành theo Quyết định 48/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh).

## 2. Xây dựng các Đề án thành phần mới

- Đề án điều chỉnh bổ sung quy hoạch các Khu công nghiệp của tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, trình Chính phủ phê duyệt.
- Đề án đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp giai đoạn 2016-2020.
- Đề án nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động các khu công nghiệp.
- Đề án củng cố phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông tạo liên kết vùng, liên kết các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy./.

### Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành ;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐVP, các CV, phòng CB-TH;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

